

Bản án số: 141/2022/DS-PT
Ngày 07 - 12 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Số 63/312, đường C, Khóm K, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Vàng, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1952 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91, đường C, Khóm E, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B. Địa chỉ: Số 12, đường T, Phường S, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Kim T1 – Chủ tịch. (có đơn xin vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: Số 05, N, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T2 – Chủ tịch.

3. Ông Trần Thanh S1, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 91, đường C, Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Phạm Hồng H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

5. Ông Ngô Quốc T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường C, Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông nội bà T tên Nguyễn Văn Năm, bà nội tên Phạm Thị H cho cha bà tên Nguyễn Văn Đ từ trước năm 1975. Sau khi ông bà nội chết, cha bà chôn cất ông bà nội trên phần đất này. Cha bà đã cho bà khu đất này đã hơn 20 năm, bà giữ gìn và chăm sóc 02 ngôi mộ trên đất. Bên cạnh phần mộ có một phần đất trống, bà S đã chiếm phần đất ngang 10m, dài 19m sử dụng vào năm 2006 đến nay, phần đất này bà S xây dựng nhà ở. Phần đất này bà T không có đăng ký kê khai, cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bà T yêu cầu bà S giao trả lại phần đất diện tích 190m², đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Theo bị đơn bà Trần Thị S trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà S không đồng ý. Tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B con bà S tên Trần Thanh S1 có nhận chuyển nhượng của bà Phạm Hồng H và ông Ngô Quốc T một phần đất diện tích 190,2m² vào năm 2005, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2005. Bà S ở chung với con là ông Trần Thanh S1. Trên đất có một căn nhà của ông S1 xây dựng, ngoài ra không có ngôi mộ nào hết. Xung quanh phần đất từ khi nhận chuyển nhượng đã được xây tường bao quanh, ở ổn định từ năm 2005 đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S1 trình bày: Tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B ông S1 có nhận chuyển nhượng của bà Phạm Hồng H và ông Ngô Quốc T một phần đất diện tích 190,2m² vào năm 2005, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất ngày 24/11/2005. Ông S1 ở chung với mẹ là bà S. Trên đất có một căn nhà của ông S1 xây dựng, ngoài ra không có ngôi mộ nào. Xung quanh phần đất từ khi nhận chuyển nhượng đã được xây tường bao quanh, ở ổn định từ năm 2005 đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị S trả lại phần đất diện tích 190m², đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà về việc yêu cầu bà Trần Thị S giao trả phần đất có diện tích 190m² tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T trình bày: Phần đất tranh chấp theo Ủy ban nhân dân xác định là do bà S kê khai trong khi đó phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S1 nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ vì sao có sự biến động này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi T luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị S và ông Trần Thanh S1 trả lại phần đất có chiều ngang 10m, dài 19m, diện tích 190m², tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đo đạc thẩm định nhiều lần, bà S và ông S1 không đồng ý cho đo đạc thẩm định. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và lời trình bày của bà S, ông S1 đều xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 65, đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Thanh S1 ngày 14/11/2005. Trên phần đất tranh chấp cả bà T, bà S, ông S1 đều xác định có căn nhà kiên cố của gia đình bà S đã xây dựng gần 20 năm nay.

Bà T khởi kiện và kháng cáo yêu cầu bà S trả phần đất cho bà, chứng cứ bà T cung cấp chỉ là lời trình bày cho rằng phần đất có nguồn gốc là của ông bà nội bà là ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị H cho cha bà là ông Nguyễn Văn Đ từ trước năm 1975 và cha bà đã cho bà phần đất này hơn 20 năm nay, cha bà có chôn ông bà nội của bà hiện vẫn còn hai ngôi mộ, tiếp giáp với hai ngôi mộ là phần đất trống, bà T cho rằng bà S đã lấn chiếm sử dụng. Ngoài ra, bà T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Phía bà S và ông S1 xác định phần đất bà T khởi kiện là do ông bà nhận chuyển nhượng của ông T, bà H vào năm 2005, trước khi nhận chuyển nhượng ông T, bà H đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/9/2002.

Xét thấy quá trình ông T bà H quản lý, sử dụng, kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho ông S1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bà T không yêu cầu khiếu nại hay phản đối gì. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi quy định

“người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị S trả lại phần đất diện tích 190m², đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng